Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

REQUEST FOR PROPOSAL
THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Ref: VAPCO/RFQ- 260132

To: Potential Bidders

Copy to:

Subject: Supply of Environmental monitoring service/ Cung cấp Dịch vụ quan trắc môi trường

Date: 04 November 2026/ Ngày 04/11/2026

1. INSTRUCTIONS TO THE PARTICIPATING BIDDERS
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI CÁC NHÀ THẦU THAM GIA

1.1. General information

Thông tin chung

Vung Ang II Thermal Power LLC (VAPCO), the Owner of 2 x 600MW ultra super-critical imported coal-fired thermal Power Plant in Vung Ang Ward, Ha Tinh Province, Vietnam that is being undertaken on a build-operate-transfer basis under Vietnam law, issuing this Request for Proposal (RFP) to invite bidders, who are interested in contracting with VAPCO for the supply of **Environmental monitoring service** as detailed in Annex 01- Scope of Service.

Công ty TNHH Nhiệt điện Vũng Áng II (VAPCO), Chủ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện đốt than nhập khẩu trên siêu tới hạn với công suất 2 x 600MW tại phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam đang thực hiện dự án xây dựng-kinh doanh-chuyển giao theo pháp luật Việt Nam, ban hành Thư mời chào giá (RFP) này để mời các Nhà thầu quan tâm đến việc ký hợp đồng với VAPCO để cung cấp **Dịch vụ quan trắc môi trường** với mô tả chi tiết như ở Phụ Lục 01- Phạm vi Dịch vụ.

The service is expected to commence from last week of Nov 2026.

Dịch vụ dự kiến được bắt đầu tuần cuối tháng 11 năm 2026.

1.2. Compliance with RFP requirements

Tuân thủ các yêu cầu của Thư mời chào giá

The participating bidders shall prepare and submit a Proposal in compliance with the procedures and requirements as outlined in this RFP. Any omission may give VAPCO a

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

reason to reject or unfavorable evaluation of the Proposal. The participating bidders will be deemed to have fully understood and accepted all the contents of the RFP. Upon submission of a Proposal, the bidders are deemed to have agreed to fully comply with the Contract's General Terms and Conditions as attached to the RFP.

Các bên tham gia sẽ chuẩn bị và nộp Bản chào tuân thủ các quy trình và yêu cầu như được quy định trong Thư mời chào giá này. Bất kỳ sự sai sót nào có thể khiến VAPCO có lý do từ chối hoặc đánh giá bất lợi cho báo giá. Các bên tham gia sẽ được coi là đã hiểu hoàn toàn và chấp nhận tất cả các nội dung trong Thư mời chào giá. Sau khi nộp Bản chào, khi đó thầu được coi là đã đồng ý tuân thủ đầy đủ các Điều khoản và Điều kiện chính của Hợp đồng như được đính kèm trong Thư mời chào giá.

1.3. Confidentiality

Bảo mật

The prices in the Proposal must be issued independently, and not be consulted, communicated, or negotiated with any other bidders.

Các giá trong Bản chào của nhà thầu phải được chào độc lập, không được tham khảo, liên lạc hoặc thỏa thuận với bất kỳ nhà thầu nào khác;

The prices stated in the Proposal have not been intentionally disclosed by the bidder and will not be knowingly disclosed, directly or indirectly, to any other participant before the Proposal submission deadline. Furthermore, these prices have not been used, and will not be used, to influence or induce any other person or company to submit, refrain from submitting, or otherwise restrict competition in any way

Các mức giá nêu trong Bản chào chưa từng được nhà thầu cố ý tiết lộ và sẽ không được tiết lộ có chủ đích, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho bất kỳ bên tham gia nào khác trước thời hạn nộp Bản chào. Hơn nữa, các mức giá này chưa từng và sẽ không được sử dụng để tác động hoặc lôi kéo bất kỳ cá nhân hay công ty nào nộp, không nộp hồ sơ hoặc hạn chế cạnh tranh dưới bất kỳ hình thức nào.

Participating bidders must not disclose the RFP to any third parties who are not directly involved in the preparation of the Proposal.

Những người tham gia không được tiết lộ Thư mời chào giá cho bất kỳ bên thứ ba nào không liên quan trực tiếp đến việc làm báo giá.

1.4. Withdrawal of procurement

Thu hồi yêu cầu mua sắm

VAPCO reserves the right, at any time and without any liability to the participants, to cancel, delay or extend this procedure or to change the scope of the procurement.

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

VAPCO có quyền, bất cứ lúc nào và không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với các bên tham gia, trong việc hủy bỏ, trì hoãn hoặc gia hạn thủ tục này hoặc thay đổi phạm vi mua sắm.

1.5. Language

Ngôn ngữ

The documents shall be prepared in English and Vietnamese. If there is any difference or inconsistency between English and Vietnamese, the English language shall prevail.

Các tài liệu được chuẩn bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Nếu có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

1.6. Currency and Payment

Tiền tệ và thanh toán

The price shall be quoted in Vietnamese Dong, inclusive of VAT.

Giá được chào giá bằng đồng Việt Nam, đã bao gồm thuế GTGT

Payment shall be made in Vietnamese Dong.

Thanh toán được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

2. PROCEDURES FOR RFP

THỦ TỤC MỜI CHÀO GIÁ

2.1. Clarification of bidding information

Làm rõ thông tin mời thầu

The participating Bidders are requested to study and carefully check the contents of the Bidding information and other relevant information. The Bidders may send email to VAPCO's PIC: Mr. Trinh Thuc Son, at son.trinh@vapco.com.vn (with copies sent to: jeff.ha@vapco.com.vn and thach.pham@vapco.com.vn) or an official letter to VAPCO regarding the unclear contents at least 03 days before the due date of letter of Proposal submission. Written clarifications or feedback via email (as the case may be) will be provided by VAPCO no later than 02 days prior to the due date of Proposal submission.

Nhà Thầu tham gia được yêu cầu nghiên cứu và kiểm tra kỹ lưỡng nội dung của Thông tin mời thầu và các thông tin liên quan khác. Các Nhà Thầu có thể gửi email cho người phụ trách của VAPCO: Ông Trịnh Thúc Sơn theo địa chỉ son.trinh@vapco.com.vn (CC cho: jeff.ha@vapco.com.vn và thach.pham@vapco.com.vn) hoặc thư chính thức đến VAPCO về các nội dung không rõ ít nhất 03 ngày trước ngày hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu. Giải thích bằng văn bản hoặc phản hồi bằng email (tuỳ trường hợp cụ thể) sẽ được VAPCO cung cấp không muộn hơn 02 ngày hết hạn nộp bản chào.

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

At any time prior 05 days to the due date of Proposal submission, VAPCO has the right to amend or add to the Bidding information. The amendment or supplement shall be communicated in writing to all participating Bidders and The Bidders shall be obliged to comply with such addition or amendment.

Vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn nộp hồ sơ chào giá 05 ngày, VAPCO có quyền sửa đổi, bổ sung thông tin mời thầu. Việc sửa đổi, bổ sung sẽ được thông báo bằng văn bản tới tất cả các Nhà Thầu tham gia và các Nhà Thầu có nghĩa vụ tuân thủ việc bổ sung, sửa đổi đó.

2.2. Submission of Proposal

Nộp Bản chào

2.2.1. Technical Proposal/ Đề xuất Kỹ thuật

Each participant will finalize and fill out the form given in Annex 02- Technical Proposal.

Mỗi bên tham gia sẽ hoàn thiện và điền vào biểu mẫu tại Phụ Lục 02- Đề xuất Kỹ thuật.

Bidders are required to submit supporting documents for each Technical Evaluation Criteria as follows:

- Certificate of business registration
- Valid environmental monitoring certificate (VIMCERTS) for all parameters in Annex 01 (including the valid VIMCERTS of subcontractor(s) if any).
- Reference contracts to supply similar periodical environmental monitoring service to thermal power plants.
- List of equipment for onsite sampling and monitoring of all required criteria.
- Bidder's commitment to submit the monitoring report within **xx** days after each periodic monitoring session (a shorter submission period is more competitive).
- Commitment to commence the Periodic Environmental Monitoring Service within **xx** days from the contract signing date (a shorter mobilization time is more competitive).
- Commitment to be present at the plant (VAPCO) within **yy** hours/days from the request time for EMS control sampling (a shorter response time is more competitive).

Các nhà thầu phải nộp các giấy tờ chứng minh đối với từng tiêu chí đánh giá kỹ thuật như sau:

- Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS) cho tất cả các chỉ tiêu trong Phụ lục 01 (bao gồm VIMCERTS của nhà thầu phụ nếu có).
- Các hợp đồng cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường định kỳ tương tự cho các nhà máy nhiệt điện.
- Danh sách máy móc thiết bị đủ khả năng thực hiện công tác lấy mẫu và quan trắc hiện trường cho toàn bộ các chỉ tiêu.
- Cam kết của nhà thầu về việc nộp báo cáo quan trắc trong vòng **xx** ngày sau mỗi đợt quan trắc định kỳ (thời gian nộp báo cáo ngắn hơn sẽ cạnh tranh hơn).

- Cam kết bắt đầu thực hiện Dịch vụ Quan trắc Môi trường Định kỳ trong vòng **xx** ngày kể từ ngày ký hợp đồng (thời gian bắt đầu ngắn hơn sẽ cạnh tranh hơn).
- Cam kết có mặt tại nhà máy (VAPCO) trong vòng **yy** giờ/ngày kể từ thời điểm có yêu cầu để thực hiện lấy mẫu đối chứng/kiểm soát của Hệ thống quan trắc tự động (thời gian có mặt ngắn hơn sẽ cạnh tranh hơn).

2.2.2. Commercial Proposal/ Đề xuất Thương mại

Each participant will finalize and fill out the form given in Annex 03- Commercial Proposal.

Mỗi bên tham gia sẽ hoàn thiện và điền vào biểu mẫu tại Phụ Lục 03- Đề xuất Thương mại.

The Commercial Proposal must be kept strictly separate from the Technical Proposal.

Đề xuất Thương mại phải được tách biệt hoàn toàn với Đề xuất Kỹ thuật.

2.2.3. Submission of Proposal/ Nộp bản chào

Bidders are required to attach a Letter of Confirmation stating that by submitting the Proposal, they have understood and accepted all terms and conditions of this RFP.

Các nhà thầu phải đính kèm Thư xác nhận rằng bằng việc nộp Thư chào giá, họ đã hiểu và chấp nhận các điều kiện và điều khoản của Thư mời chào giá này.

The Proposal Form and other documents shall be submitted by email to the following address no later than the deadline to:

Bản chào sẽ được gửi bằng Email đến địa chỉ sau không muộn hơn thời hạn:

Mr. Trinh Thuc Son / Procurement & Contract Specialist, Phone No. 0919.865.623

Vung Ang II Thermal Power LLC,

Address: Vung Ang Economic Zone, Vung Ang Ward, Ha Tinh Province, Vietnam

Email: son.trinh@vapco.com.vn,

Copy 1: Mr. Pham Ngoc Thach, Procurement & Contract Leader,

Email: thach.pham@vapco.com.vn

Copy 2: Mr. Ha Jong Woo, GA & Contract Manager,

Email: jeff.ha@vapco.com.vn

The Bid Proposal will be encrypted to ensure that it won't be opened before the time specified in Item 2.3 below.

Bản chào giá sẽ được mã hóa nhằm đảm bảo không được mở trước thời gian quy định trong Điều 2.3 sau đây.

Email subject: The bidders are kindly requested to clearly state the bidding package's name and the bidder's name (e.g.: "Proposal for supply of Environmental monitoring

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

service / "Bidder's name").

Tiêu đề thư: Nhà thầu ghi rõ tên gói thầu và tên nhà thầu (ví dụ: “Bản chào cho việc cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường/ "Tên nhà thầu”).

(The bidder may contact Mr. Trinh Thuc Son for confirmation of the sent email/Nhà thầu có thể liên hệ với Ông Trịnh Thúc Sơn để xác nhận email đã gửi thành công).

2.3. Deadline for submission of the Proposal

Thời hạn nộp bản chào giá:

The due date for Proposal submission is 17:00, 15 November 2026

Ngày hết hạn nộp bản chào giá: 17:00, ngày 15/11/2026

The bidder will share the password to open the pdf file of the Proposal Form via email by 09:00, 16 November 2026.

Nhà thầu sẽ gửi mật khẩu để mở Bản chào giá qua email vào 9:00 ngày 16/11/2026.

2.4. Validity period

Thời hạn hiệu lực

The Proposal shall be offered and valid for **60** days from the due date of Proposal document submission. VAPCO may request to extend the validity time of the Proposal and notify it in writing. The extension time shall not exceed 15 days. If the bidder fails to accept the extension of the validity time, its Proposal will not be considered for evaluation.

Chào giá được đưa ra và có hiệu lực trong vòng **60** ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá. VAPCO có thể yêu cầu gia hạn thời gian hiệu lực của chào giá và thông báo bằng văn bản, thời gian gia hạn sẽ không vượt quá 15 ngày. Trường hợp nhà thầu tham gia không chấp nhận gia hạn thời gian hiệu lực thì chào giá đó sẽ không được xem xét để đánh giá.

2.5. Bid evaluation and award criteria

Tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn

Proposal evaluation

Đánh giá Bản chào

The bidders' Proposal will be considered and evaluated when they fully meet the above criteria, and the document is submitted as prescribed in Item 2.2 before the deadline or subject to VAPCO’s decision.

Bản chào của Nhà thầu chỉ được xem xét đánh giá khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí nêu trên và nộp bộ hồ sơ như quy định tại Mục 2.2 trước thời điểm đóng thầu hoặc theo quyết

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

định của VAPCO.

- Technical evaluation

Đánh giá về kỹ thuật

- Financial evaluation:

Đánh giá về tài chính

The bidder with the highest combined score from both technical and financial evaluations will be selected as the preferred bidder and invited to enter the contract negotiation stage.

Nhà thầu nào đạt được tổng điểm cao nhất kết hợp giữa đánh giá kỹ thuật và tài chính sẽ được chọn vào giai đoạn thương thảo hợp đồng.

- Award Criteria

Tiêu chí lựa chọn

VAPCO will award the Contract to the bidder with the highest combined score from both technical and financial evaluations and favourable terms after negotiation.

VAPCO sẽ ký hợp đồng với Nhà thầu đạt được tổng điểm cao nhất kết hợp giữa đánh giá kỹ thuật và tài chính và các điều khoản phù hợp nhất sau khi đàm phán.

VAPCO has the right to adjust the Scope of Service at its discretion.

VAPCO có thể điều chỉnh Phạm vi Dịch vụ theo quyền quyết định của mình.

2.6. Announcement of evaluation result

Thông báo kết quả đánh giá

The evaluation result might be announced to all participants after the decision on approval of the result. In the notice of the evaluation result, VAPCO is not obligated to explain the reasons for the unsuccessful bidders.

Kết quả đánh giá có thể được thông báo cho các bên tham gia sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đánh giá cuối cùng. Trong thông báo kết quả đánh giá, VAPCO không có nghĩa vụ giải thích lý do đối với các nhà thầu không được lựa chọn.

2.7. VAPCO's option

Tùy chọn của VAPCO

VAPCO reserves the right, without any liability to the parties, to modify or withdraw this RFP at any time, to increase or decrease the Scope of Sẻ included in the Contract or request to restart the procedure when deemed valid is of the greatest interest to VAPCO and rejects any or all the Proposals. No claim regarding any modification, withdrawal, or

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

restart of the process will be accepted by VAPCO. VAPCO also has the option to award the Contract to an acceptable participant, whichever is in the best interest of the company.

VAPCO bảo lưu quyền, mà không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với các bên tham gia, sửa đổi hoặc rút lại Yêu cầu chào giá này bất cứ lúc nào, để tăng hoặc giảm phạm vi công việc được đưa vào Hợp đồng hoặc yêu cầu khởi động lại thủ tục khi được coi là hợp lệ được VAPCO quan tâm nhất và từ chối bất kỳ hoặc tất cả các đề xuất. Không có yêu cầu bồi thường liên quan đến bất kỳ sửa đổi, rút lui hoặc khởi động lại quá trình sẽ được VAPCO chấp nhận. VAPCO cũng có tùy chọn để trao hợp đồng cho bên tham gia chấp nhận được, tùy theo điều kiện nào là tốt nhất cho lợi ích của công ty.

2.8. Compliance in bidding

Tuân thủ trong đấu thầu

The bidders must comply with the provisions of the law on anti-corruption, anti-bribery, and anti-monopoly and commit to bidding standards to ensure healthy competition, fairness, and transparency.

Các nhà thầu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, chống hối lộ, chống độc quyền và cam kết các tiêu chuẩn đấu thầu đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, công bằng và minh bạch.

3. KEY TERMS AND CONDITIONS

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHÍNH

3.1. Contract term

Thời hạn Hợp đồng

The Contract shall come into effect upon signing and shall remain in force until both parties have fulfilled their contractual obligations.

Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ có hiệu lực cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng

3.2. Contract price

Giá trị Hợp đồng

The Contract price is based on a fixed-unit price.

Giá trị Hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cố định.

3.3. Payment

Thanh toán

Payment terms and conditions will be negotiated and finalized during the contract negotiation process.

Các điều khoản và điều kiện thanh toán sẽ được thương lượng và quyết định chính thức trong quá trình thương thảo hợp đồng.

4. CONTRACT FORM

MẪU HỢP ĐỒNG

Please refer to Annex 04- Contract Form.

Vui lòng tham khảo Phụ Lục 04- Mẫu Hợp đồng.

5. BLACKLISTING CLAUSE

ĐIỀU KHOẢN ĐƯA VÀO DANH SÁCH ĐEN

The awarded bidder is required to comply with all terms and conditions specified in this RFP and their submitted proposal. Failure to fulfill these obligations may result in the bidder being blacklisted from future bidding opportunities for a period. Bidders will be granted an opportunity to address any compliance issues prior to the final determination of blacklist status.

Nhà thầu trúng thầu phải tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện được quy định trong Hồ sơ yêu cầu (RFP) và đề xuất đã nộp. Việc không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ này có thể dẫn đến việc nhà thầu bị đưa vào danh sách đen, không được tham gia các cơ hội đấu thầu trong tương lai trong một khoảng thời gian. Nhà thầu sẽ được trao cơ hội để giải trình và khắc phục các vấn đề liên quan đến việc không tuân thủ trước khi có quyết định cuối cùng về việc đưa vào danh sách đen.

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

ANNEX 01_ SCOPE OF SERVICE

PHỤ LỤC 01_ PHẠM VI DỊCH VỤ

A. PERIODIC ENVIRONMENT MONITORING SERVICE/ DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

The Contractor shall be responsible for conducting periodic environmental monitoring with a frequency of once per quarter for all parameters listed below. The scope of work for this period requires execution for two (02) quarters, specifically: Quarter IV of 2026 and Quarter I of 2027.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 01 lần/quý đối với tất cả các thông số/chỉ tiêu được nêu dưới đây. Phạm vi công việc trong giai đoạn này yêu cầu tiến hành quan trắc cho 02 quý, bao gồm: Quý IV năm 2026 và Quý I năm 2027.

Below are the detailed scope of work and frequency of services to be performed for each session.

Dưới đây là chi tiết về khối lượng và tần suất dịch vụ sẽ được thực hiện cho mỗi đợt.

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample/ session Số lượng mẫu/lần
I	**Chi phí phân tích/Analysis cost**		
I.1	**Nước mặt/Surface water**		
1	pH	1	3
2	DO	1	3
3	Chất rắn lơ lửng/ total suspended solids (TSS)	1	3
4	BOD5 (20oC)	1	3
5	COD	1	3
6	Tổng Nitơ/Total Nitrogen	1	3
7	Tổng Phôt pho/Total Phosphorus	1	3
8	Tổng Coliform/Total Coliform	1	3
I.2	**Nước dưới đất/Ground water**		
1	pH	1	17
2	Tổng Coliform/ Total Coliform	1	17
3	Nitrate (NO3- tính theo Nitơ)/ Nitrate (NO3- as Nitrogen)	1	17
4	Amoni (NH4+ tính theo Nitơ)/ Ammonium (NH4+ as Nitrogen)	1	17
5	Chỉ số permanganat/ Permanganate index	1	17
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ Total dissolved solids	1	17

VAPCO
ENERGY FOR LIFE, POWER FOR HUMANS

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample/ session Số lượng mẫu/lần
7	Độ cứng (tính theo CaCO3)/ Hardness (calculated as CaCO3)	1	17
8	Arsenic (As)	1	17
9	Chloride (Cl-)	1	17
10	Chì (Pb)/Lead	1	17
11	Thủy ngân (Hg)/ Mercury	1	17
12	Sắt (Fe)/Iron	1	17
13	Đồng (Cu)/Copper	1	17
14	Benzene	1	17
15	Toluene	1	17
16	Ethylbenzene	1	17
17	Xylene	1	17
18	Phenol	1	17
I.3	**Không khí/Ambient air quality**		
1	Tổng bụi lơ lửng/ Total suspended particles (TSP)	1	18
2	NO2	1	18
3	SO2	1	18
4	CO	1	18
5	Tiếng ồn/Noise	1	576
6	Độ rung/Vibration	1	432
7	Bụi PM10/PM10 Dust	1	9
I.4	**Trầm tích sông/River sediment**		
1	Asen (As)	1	2
2	Cadimi (Cd)	1	2
3	Chì (Cd)/Lead	1	2
4	Kẽm (Zn)/Zinc	1	2
5	Thủy ngân (Hg)/ Mercury	1	2
6	Tổng Crom/ Total Chromium (Cr)	1	2
7	Đồng/Copper (Cu)	1	2
8	Tổng Hydrocacbon/ Total Hydrocarbons	1	2
I.5	**Nước thải/Wastewater**		
a	***Nước thải WWTP/ WWTP* wastewater**		
1	Lưu lượng/Flow	1	1
2	Nhiệt độ/Temparature	1	1
3	pH	1	1
4	COD	1	1
5	TSS	1	1
6	Amoni/ Ammonium	1	1
7	Độ màu/Color	1	1

VAPCO
ENERGY FOR LIFE, POWER FOR HUMANS

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample/ session Số lượng mẫu/lần
8	BOD5 (20oC)	1	1
9	Asenic (As)	1	1
10	Thủy ngân/Mecury (Hg)	1	1
11	Chì/Lead (Pb)	1	1
12	Cadimi/ Cadmium (Cd)	1	1
13	Đồng/Copper (Cu)	1	1
14	Kẽm/Zinc (Zn)	1	1
15	Mangan/ Manganese	1	1
16	Sắt/Iron (Fe)	1	1
17	Tổng dầu mỡ khoáng/ Total mineral oil and grease	1	1
18	Sunfua/Sulfide	1	1
19	Florua/Fluoride	1	1
20	Tổng Nitơ/Total Nitrogen	1	1
21	Tổng Phốt pho/Total Phosphorus	1	1
22	Clo dư/Residual Chlorine	1	1
23	Coliform	1	1
b	***Nước thải FGD/ FGD wastewater***		
1	Lưu lượng/Flow	1	2
2	Nhiệt độ/Temparature	1	2
3	pH	1	2
4	DO	1	2
5	TSS	1	2
6	COD	1	2
7	Asenic (As)	1	2
8	Thủy ngân/Mecury (Hg)	1	2
9	Chì/Lead (Pb)	1	2
10	Cadimi/ Cadmium (Cd)	1	2
11	Tổng ion sunfit/ Total sulfite ions	1	2
I.6	**Nước biển/Sea water**		
a	***Nước biển đầu vào/Seawater inlet***		
1	TSS	1	1
2	COD	1	1
b	***Nước biển ven bờ/Coastal water***		
1	pH	1	3
2	Oxy (oxygen) hoà tan/ Dissolved Oxigens (DO)	1	3
3	Tổng chất rắn lơ lửng/Total Suspended Solids (TSS)	1	3
4	Tổng Coliform	1	3

VAPCO
ENERGY FOR LIFE, POWER FOR HUMANS

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample/ session Số lượng mẫu/lần
5	Amoni (NH4+ tính theo Nitơ)/ Ammonium (NH4+ as Nitrogen)	1	3
6	Fluoride (F-)	1	3
7	Cyanide (CN-)	1	3
8	Arsenic (As)	1	3
9	Cadmi (Cd)	1	3
10	Chì/Lead (Plumbum) (Pb)	1	3
11	Chromi (6+) (Cr6+)	1	3
12	Tổng Chromi/ Tổng Chromi (Cr) (Cr)	1	3
13	Đồng/Copper (Cuprum) (Cu)	1	3
14	Kẽm/Zinc (Zincum) (Zn)	1	3
15	Manganese (Mn)	1	3
16	Sắt/Iron (Ferrum) (Fe)	1	3
17	Thủy ngân/Mercury (Hydrargyrum) (Hg)	1	3
18	Dầu mỡ khoáng/Mineral Oils	1	3
19	Tổng Phenol/Total Phenols	1	3
20	Chất hoạt động bề mặt anion/ Anionic surfactants	1	3
21	Tổng Hydrocarbon gốc dầu/Total Petroleum Hydrocarbons (TPH)	1	3
22	Aldrin (C12H8Cl6)	1	3
23	Lindane (C6H6Cl6)	1	3
24	Dieldrin (C12H8Cl6O)	1	3
25	Polychlorinated biphenyl (PCB) (gồm: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 118, PCB 138, PCB 153, PCB 180)	1	3
26	Diazinon (C12H21N2O3PS)	1	3
27	Parathion (C10H14NO5PS)	1	3
28	Malathion (C10H19O6PS2)	1	3
29	1.1.1 trichloroethane (C2H3Cl3)	1	3
30	Tetrachloroetylen PCE (C2Cl4)	1	3
31	Trichloroethylene (CH2Cl3)	1	3
32	Dichloromethane (CH2Cl2)	1	3
33	Benzene (C6H6)	1	3
I.7	**Nhiệt độ nước biển ven bờ vùng hòa trộn nước làm mát/ Intake water**		
1	Temparature	1	3
I.8	**Khí thải/ Emission**		
a	***Chi phí thực hiện quan trắc khí thải/ Gas emission at Chimney***		
1	Total dust	1	2

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample/ session Số lượng mẫu/lần
2	Lưu huỳnh đioxit. SO2/Sulfur dioxide. SO2	1	2
3	Nitơ oxit. NOx (tính theo NO2)/ Nitrogen oxide. NOx (as NO2)	1	2
4	Cacbon oxit/ Cacbon oxit CO	1	2
I.9	**Đất/ Soil**		
1	As	0.5 *(Every 6 months)*	3
2	Cd	0.5 *(Every 6 months)*	3
3	Pb	0.5 *(Every 6 months)*	3
4	Cr	0.5 *(Every 6 months)*	3
5	Cu	0.5 *(Every 6 months)*	3
6	Zn	0.5 *(Every 6 months)*	3
II	**Chi phí khác/ Other expenses**		
1	Chi phí phương tiện đi lại/Transportation Cost	1	9
2	Chi phí Tàu lấy mẫu/Sampling Vessel Cost	1	1
3	Chi phí nhân công lấy mẫu nước biển đầu vào/ Intake seawater sampling labor cost	1	2
4	Chi phí phương tiện đi lại lấy mẫu nước biển đầu vào/Transportation for seawater inlet sampling	1	2
5	Chi phí nhân công lấy mẫu các nền còn lại + nước biển đầu vào/Manpower cost (4 người x 9 ngày/đợt) (4 pax x 9 days/session)	1	36
6	Lưu trú nếu có (cho 36 ngày công)/Accommodation if any (for 36 man-day)	1	36

B. CONTROLLING SAMPLE OF ENVIRONMENT MONITORING SYSTEM/ LẤY MẪU ĐỐI CHỨNG HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

In case the environmental monitoring system encounters problems, it is required to collect daily samples for some parameters as shown in the table below.
Trong trường hợp hệ thống quan trắc môi trường gặp sự cố, cần thực hiện lấy mẫu hàng ngày đối với một số thông số như được trình bày trong bảng dưới đây.
Bidder is request to start collecting relevant sample with 24h after receiving notification from VAPCO.
Nhà thầu phải thực hiện lấy mẫu liên quan trong vòng 24h kể từ khi nhận được thông báo từ

VAPCO.

The quantities indicated in this table are estimated for a six-month (06-month) period only; the actual executed quantities may vary depending on actual field conditions.

Các số lượng trong bảng này chỉ mang tính chất ước tính cho giai đoạn 06 tháng; các số lượng thực hiện thực tế có thể khác biệt tùy theo điều kiện hiện trường.

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Unit Đơn vị	Quantity Số lượng
a	***Mẫu đối chứng cho hệ thống xử lý Nước thải/Nước thải công nghiệp*** ***Cross check sampling due to EMS trouble***		
1	Temperature	Sample	36
2	pH	Sample	144
3	DO	Sample	108
4	TSS	Sample	108
5	COD	Sample	108
6	Amomonium (NH4-N)	Sample	36
7	Clo dư/Residual Chlorine	Sample	36
8	Tổng ion sunfit/ Total sulfite ions	Sample	72
b	***Mẫu đối chứng cho hệ thống khí thải*** ***Cross check sampling due to CEMS trouble***		
1	Total dust	Sample	36
2	Lưu huỳnh đioxit. SO2/Sulfur dioxide. SO2	Sample	36
3	Nitơ oxit. NOx (tính theo NO2)/ Nitrogen oxide. NOx (as NO2)	Sample	36
4	Cacbon oxit/ Cacbon oxit CO	Sample	36
c	***Chi phí khác*** ***Other expenses***		
1	Traveling fee	Round-trip	90
2	Allowance for manpower for sampling	Man-day	180

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

ANNEX 02_TECHNICAL PROPOSAL

PHỤ LỤC 02_ ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

We are The Bidder/ Chúng tôi là Nhà Thầu: (insert company name/ điền tên công ty)
Address/ Địa chỉ: (insert address/ điền địa chỉ công ty)
Company Tax Code/ Mã số Thuế Công Ty: (insert number/ điền số)

To : VUNG ANG II THERMAL POWER LLC (VAPCO)

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO)

We, undersigned, hereby offer our Technical proposal for Supply of Environmental monitoring service in accordance with the request for proposal No. RFQ-260132.
Chúng tôi, ký tên dưới đây, chào Đề xuất Kỹ thuật cho Cung cấp Dịch vụ quan trắc môi trường theo yêu cầu chào giá số RFQ-260132.

A. PERIODIC ENVIRONMENT MONITORING SERVICE/ DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

The Contractor shall be responsible for conducting periodic environmental monitoring with a frequency of once per quarter for all parameters listed below. The scope of work for this period requires execution for two (02) quarters, specifically: Quarter IV of 2026 and Quarter I of 2027.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 01 lần/quý đối với tất cả các thông số/chỉ tiêu được nêu dưới đây. Phạm vi công việc trong giai đoạn này yêu cầu tiến hành quan trắc cho 02 quý, bao gồm: Quý IV năm 2026 và Quý I năm 2027.

Below are the detailed scope of work and frequency of services to be performed for each session.

Dưới đây là chi tiết về khối lượng và tần suất dịch vụ sẽ được thực hiện cho mỗi đợt.

	VAPCO's original requirements Yêu cầu ban đầu của VAPCO			Bidder's proposal specification Thông số kĩ thuật đề xuất của Nhà Thầu			Discrepancies Khác biệt
No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample Số lượng mẫu/lần	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample Số lượng mẫu/lần	
1	……	…….	…….	……	……	……	
2	……	…….	…….	……	……	……	
…	……	…….	…….	……	……	……	

Note: Fill in each item of Annex 01 in accordance with VAPCO's original requirements and the bidder's proposal; if there are any discrepancies, please clearly specify them/ Điền vào từng hạng mục của Phụ lục 01 theo đúng các yêu cầu ban đầu của VAPCO và đề xuất của nhà thầu; nếu có bất kỳ sự khác biệt nào, vui lòng chỉ rõ.

B. CONTROLLING SAMPLE OF ENVIRONMENT MONITORING SYSTEM/ LẤY MẪU ĐỐI CHỨNG HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

In case the environmental monitoring system encounters problems, it is required to collect daily samples for some parameters as shown in the table below.
Trong trường hợp hệ thống quan trắc môi trường gặp sự cố, cần thực hiện lấy mẫu hàng ngày đối với một số thông số như được trình bày trong bảng dưới đây.

	VAPCO's original requirements Yêu cầu ban đầu của VAPCO	Bidder's proposal specification Thông số kĩ thuật đề xuất của Nhà Thầu	Discrepancies Khác biệt

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Unit Đơn vị	Quantity Số lượng	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Unit Đơn vị	Quantity Số lượng	
1	……	…….	…….	……	……	……	
2	……	…….	…….	……	……	……	
…	……	…….	…….	……	……	……	

Note: Fill in each item of Annex 01 in accordance with VAPCO's original requirements and the bidder's proposal; if there are any discrepancies, please clearly specify them/ Điền vào từng hạng mục của Phụ lục 01 theo đúng các yêu cầu ban đầu của VAPCO và đề xuất của nhà thầu; nếu có bất kỳ sự khác biệt nào, vui lòng chỉ rõ.

1. Bidder Commitments/ Các cam kết của Nhà Thầu:

a) Bidder's commitment to submit the monitoring report within **[insert number]** days after each periodic monitoring session.

Cam kết của nhà thầu về việc nộp báo cáo quan trắc trong vòng **[điền số]** ngày sau mỗi đợt quan trắc định kỳ.

b) Commitment to commence the Periodic Environmental Monitoring Service within **[insert number]** days from the contract signing date.

Cam kết bắt đầu thực hiện Dịch vụ Quan trắc Môi trường Định kỳ trong vòng **[điền số]** ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

c) Commitment to be present at the plant (VAPCO) within **[insert number]** hours/days from the request time for EMS control sampling.

Cam kết có mặt tại nhà máy (VAPCO) trong vòng **[điền số]** giờ/ngày kể từ thời điểm có yêu cầu để thực hiện lấy mẫu đối chứng/kiểm soát của Hệ thống quan trắc tự động.

2. Contact Person/ Đầu mối liên hệ:

Contact person : Position

Đầu mối liên hệ: Chức danh

Telephone : Email:

Số điện thoại: Email:

Legal representative of Bidder
Người đại diện pháp lý của Nhà thầu
[Full name, position, signature and seal
[Họ tên, chức vụ, chữ ký và con dấu]

Date/Ngày:

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

ANNEX 03_COMMERCIAL PROPOSAL

PHỤ LỤC 03_ ĐỀ XUẤT THƯƠNG MẠI

We are The Bidder/ Chúng tôi là Nhà Thầu: (insert company name/ điền tên công ty)
Address/ Địa chỉ: (insert address/ điền đia chỉ công ty)
Company Tax Code/ Mã số Thuế Công Ty: (insert number/ điền số)

To : VUNG ANG II THERMAL POWER LLC (VAPCO)

Kính gửi: CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO)

We, undersigned, hereby offer our Commercial proposal for Supply of Environmental monitoring service in accordance with the request for proposal No. RFQ-260132.
Chúng tôi, ký tên dưới đây, chào Đề xuất Thương mại cho Cung cấp Dịch vụ quan trắc môi trường theo yêu cầu chào giá số RFQ-260132.

A. PERIODIC ENVIRONMENT MONITORING SERVICE/ DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

The Contractor shall be responsible for conducting periodic environmental monitoring with a frequency of once per quarter for all parameters listed below. The scope of work for this period requires execution for two (02) quarters, specifically: Quarter IV of 2026 and Quarter I of 2027.

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 01 lần/quý đối với tất cả các thông số/chỉ tiêu được nêu dưới đây. Phạm vi công việc trong giai đoạn này yêu cầu tiến hành quan trắc cho 02 quý, bao gồm: Quý IV năm 2026 và Quý I năm 2027.

Below are the detailed scope of work and frequency of services to be performed for each session.

Dưới đây là chi tiết về khối lượng và tần suất dịch vụ sẽ được thực hiện cho mỗi đợt.

No. STT	Parameter, Item Thông số phân tích, Hạng mục	Frequent/quarter Tần suất/quý	No. sample Số lượng mẫu/lần	Unit Price exclusive of VAT Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT (VND)	VAT (VND)	Amount inclusive of VAT Thành tiền đã bao gồm thuế VAT (VND)	Remark Ghi chú
1	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
2	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
TOTAL VALUE FOR 1 QUARTER/ TỔNG GIÁ TRỊ CHO 1 QUÝ (inclusive of VAT)							
TOTAL VALUE FOR 2 QUARTERS/ TỔNG GIÁ TRỊ CHO 2 QUÝ (inclusive of VAT)							

Note: Fill in each item with quantity and unit price, VAT, amount/ Điền từng hạng mục cùng số lượng và đơn giá, thuế VAT, thành tiền.

B. CONTROLLING SAMPLE OF ENVIRONMENT MONITORING SYSTEM/ LẤY MẪU ĐỐI CHỨNG HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

In case the environmental monitoring system encounters problems, it is required to collect daily samples for some parameters as shown in the table below.
Trong trường hợp hệ thống quan trắc môi trường gặp sự cố, cần thực hiện lấy mẫu hàng ngày đối với một số thông số như được trình bày trong bảng dưới đây.

No. STT	Parameter, Item	Unit Đơn vị	Quantity Số lượng	Unit Price exclusive of VAT	VAT (VND)	Amount inclusive of VAT	Remark Ghi chú

	Thông số phân tích, Hạng mục			**Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT (VND)**		**Thành tiền đã bao gồm thuế VAT (VND)**	
1	……	…….	…….	……	……	……	
2	……	…….	…….	……	……	……	
…	……	…….	…….	……	……	……	
TOTAL VALUE FOR PART B/ TỔNG GIÁ TRỊ CHO PHẦN B (inclusive of VAT)							

Note: Fill in each item with quantity and unit price, VAT, amount/ Điền từng hạng mục cùng số lượng và đơn giá, thuế VAT, thành tiền.

C. ESTIMATED TOTAL VALUE FOR PARTS A & B/ TỔNG GIÁ TRỊ DỰ KIẾN CHO PHẦN A & B

Estimated total value for both Part A and Part B: The total estimated value combines Part A - Periodic environmental monitoring service (for 2 quarters) and Part B - CEMS control sampling service (estimated for 6 months).
Tổng giá trị dự kiến cho cả phần A và phần B: Tổng giá trị dự kiến bao gồm Phần A - Dịch vụ quan trắc môi trường định kỳ (cho 2 quý) và Phần B - Dịch vụ lấy mẫu đối chứng hệ thống quan trắc môi trường tự động (dự kiến cho 6 tháng).

No. STT	**Item Hạng mục**	**Amount inclusive of VAT Thành tiền đã bao gồm thuế VAT (VND)**	**Remark Ghi chú**
1	Part A		
2	Part B		
TOTAL VALUE FOR PART A+B/ TỔNG GIÁ TRỊ CHO PHẦN A + B (inclusive of VAT)			

3. Contact Person/ Đầu mối liên hệ:

Contact person : Position

Đầu mối liên hệ: Chức danh

Telephone : Email:

Số điện thoại: Email:

Legal representative of Bidder
Người đại diện pháp lý của Nhà thầu
[Full name, position, signature and seal
[Họ tên, chức vụ, chữ ký và con dấu]

Date/Ngày:

Vung Ang II Thermal Power LLC

Ha Noi Office
Room 3011, Floor 30,
West Tower, Lotte Center
Hanoi, 54 Lieu Giai Street, Giang
Vo Ward, Hanoi, Vietnam
Tel. +84 (0) 24 7109 8799
Fax +84 (0) 24 3624 8485

Ha Tinh Site Office
Vung Ang Economic Zone,
Vung Ang Ward,
Ha Tinh Province, Vietnam
Tel. +84 (0) 23 9385 8882

ANNEX 04_ CONTRACT FORM

PHỤ LỤC 04_ MẪU HỢP ĐỒNG

(from the next page/ từ trang sau)

CONTRACT FOR THE SUPPLY OF ENVIRONMENTAL MONITORING SERVICE

Between

VUNG ANG II THERMAL POWER LLC

AND

xxxxxxxxx

Document No: xxxxx
Document Date: xxxxxxxxx

TABLE OF CONTENTS/ MỤC LỤC

RECITALS 3
ARTICLE 1: CONTENT OF CONTRACT/ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG 4
ARTICLE 2: SERVICE LOCATION AND SCHEDULE/ ĐỊA ĐIỂM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN. 4
ARTICLE 3: OBLIGATIONS AND RESPONSIBILITIES OF BOTH PARTIES/ NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN. 5
ARTICLE 4: PAYMENT/ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN 7
ARTICLE 5: PENALTIES FOR CONTRACT BREACH AND TERMINATION/ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG 7
ARTICLE 6: FORCE MAJEURE/ BẤT KHẢ KHÁNG 9
ARTICLE 7: OTHERS/ ĐIỀU KHOẢN KHÁC 10
ANNEX 01: SCOPE OF SERVICE 12

CONTRACT
HỢP ĐỒNG

For the supply of Environmental monitoring service
Về việc cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường

No/ Số. : xxxx
Date/Ngày : xxxxxx

- *Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 24, 2015, effective January 1, 2017*

  Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 01/1/2017

- *Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 14, 2006*

  Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2006

- *Pursuant to Enterprise Law 59/2020/QH14 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, effective January 1, 2021*

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021*

- *Based on the needs, capabilities and agreement of both Parties*

  Căn cứ vào nhu cầu, khả năng và sự thỏa thuận của hai Bên

Today, xxxx, we represent both Parties signing the contract for supply of environmental monitoring service (the “Contract”), including:

Hôm nay, ngày xxxx, chúng tôi đại diện cho hai Bên ký hợp đồng cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường (“Hợp đồng”), bao gồm:

RECITALS
XÉT RẰNG

Party A: VUNG ANG II THERMAL POWER LLC (VAPCO)

Bên A: CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO)

Address : Vung Ang Economic Zone, Vung Ang Ward, Ha Tinh Province, Vietnam

Địa chỉ : Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Telephone/Điện thoại : 023 9385 8882

Tax code/MST : 3000420169

Representative : Mr. Lim Jun Sik - Position: General Director

Người đại diện : Ông Lim Jun Sik - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Party B: xxxxxxxx

Bên B : xxxxxx

Address : xxxxxxx.

Địa chỉ : xxxxxxxx

Telephone/Điện thoại : xxxxxxxxx

Tax code/ MST :xxxxxxxxxx

Bank account No : xxxxxxxx

Tài khoản số : xxxxxxxx

Representative : xxxxxxxxx - Position: xxxxx

Người đại diện : xxxxxxx - Chức vụ: xxxxxx

Both Parties agree to sign the Contract with the following terms and conditions:

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như dưới đây:

ARTICLE 1: CONTENT OF CONTRACT/ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Party B agrees to supply environmental monitoring service (hereinafter referred to as "the Service") to Party A in accordance with the descriptions provided in Annex 01- Scope of Service attached herewith as an integral part of the Contract.

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường (sau đây gọi là "Dịch vụ") cho Bên A theo mô tả trong Phụ Lục 01- Phạm vi Dịch vụ đính kèm như một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

ARTICLE 2: SERVICE LOCATION AND SCHEDULE/ ĐỊA ĐIỂM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.

1. Service location:

   Địa điểm thực hiện Dịch vụ

   a) Vung Ang II Thermal Power Plant, located in Vung Ang Ward, Ha Tinh Province

      Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II, tại phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh

   b) Other neighboring locations if required

Các địa điểm lân cận khác nếu có yêu cầu

2. Service schedule:

Tiến độ hoàn thiện dịch vụ

a) Party B shall ensure that the Service is to be executed as per the given schedule in Annex 01, unless otherwise agreed between the Parties during the Contract execution.

Bên B sẽ đảm bảo Dịch vụ sẽ được thực hiện dựa trên tiến độ nêu trong Phụ Lục 01, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Service completion time extension shall be subject to Party A's approval considering the Power Plant's actual requirements.

Tiến độ hoàn thành dịch vụ có thể được gia hạn nếu có sự phê duyệt của Bên A dựa trên các yêu cầu cụ thể của Nhà máy.

ARTICLE 3: OBLIGATIONS AND RESPONSIBILITIES OF BOTH PARTIES/ NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN.

1. **Party A**

Bên A

a) Providing access: Party A shall provide Party B with reasonable access to the Power Plant for the purpose of data collection, onsite monitoring and the performance of relevant obligations under the Contract.

Cung cấp quyền tiếp cận: Bên A sẽ cung cấp cho Bên B quyền tiếp cận hợp lý vào Nhà máy nhằm mục đích thu thập thông tin, quan trắc thực địa và thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo Hợp đồng.

b) Coordinating document preparation: Party A shall coordinate with Party B in the preparation of documents for reporting purposes.

Phối hợp chuẩn bị tài liệu: Bên A phối hợp với Bên B trong việc chuẩn bị tài liệu để chuẩn bị báo cáo.

c) Acceptance approval: Party A reserves the right to refuse signing the Minutes of Service Completion if the Service does not conform to the requirements outlined in the Contract.

Phê duyệt nghiệm thu: Bên A có quyền từ chối ký Biên bản Hoàn thành Dịch vụ nếu Dịch vụ không thỏa mãn các yêu cầu nêu trong Hợp đồng này.

d) Timely payment: Party A shall make payments to Party B in accordance with the Contract.

Thanh toán đúng hạn: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo đúng Hợp đồng.

2. **Party B**

Bên B

a) Issuance of Performance Guarantee: within two (2) weeks after the Contract signing, Party B shall submit a Performance Guarantee equal to ten (10) percent of total Contract value (excluding VAT) to Party A. The Performance Guarantee shall be issued by Party B's bank and valid for six (06) months from issuance date.

Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng: trong vòng hai (2) tuần kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên B sẽ nộp cho Bên A một Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng tương đương mười (10) phần trăm tổng giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm VAT). Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng sẽ do ngân hàng của Bên B phát hành và có hiệu lực trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày phát hành.

b) Timely completion of the Service: Party B shall complete the Service in a timely, accurate, and sufficient manner, meeting the quantity and quality specified in the Contract. Party B shall ensure legitimate reports for each periodical monitoring session are submitted to Party A within (xx) days after each session.

Thực hiện Dịch vụ đúng thời hạn: Bên B phải hoàn thành Dịch vụ đúng thời hạn, chính xác và đầy đủ, đáp ứng số lượng và chất lượng quy định trong Hợp đồng. Bên B sẽ đảm bảo nộp các báo cáo quan trắc định kỳ hợp lệ cho Bên A trong vòng (xx) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt quan trắc.

c) Providing advice to Party A: Party B shall provide further advice to Party A for any additional requirements of the Government authorities, if any, related to performance of the Power Plant's environment control system or equipment

Cung cấp tư vấn miễn phí cho Bên A: Bên B sẽ cung cấp tư vấn miễn phí cho Bên A liên quan đến các yêu cầu phát sinh của các cơ quan hữu quan của Chính phủ, nếu có, liên quan đến việc vận hành của hệ thống và thiết bị giám sát môi trường của Nhà máy.

d) Compliance with Vietnam Laws and health, safety, security and environment procedures: During the execution of Service, including data collection or site visit, if any, Party B shall ensure that its staff, agents, and suppliers consistently adhere to all applicable laws and Party A's policies (insofar as they are relevant to the Contract, including Party A's health, safety, security and environment procedures. Party B shall bear full responsibility to Party A for any damages, losses, expenses (including legal fees and expenses), and third-party claims arising from the negligence, default, or breach of statutory duty, or failure to comply with Party A's health, safety, security and environment procedures by any of its agents, employees, or suppliers at any level. Such actions shall be treated as if they were the direct acts or negligence of Party B.

Tuân thủ Pháp luật và Quy trình sức khỏe, an ninh, an toàn và môi trường: Trong quá trình thực hiện dịch vụ, bao gồm việc thu thập thông tin hoặc kiểm tra thực địa nhà máy, Bên B sẽ đảm bảo rằng nhân viên, đại lý và nhà cung cấp của mình tuân thủ nhất quán luật pháp hiện hành và chính sách của Bên A (trong chừng mực chúng có liên quan đến Hợp đồng), bao gồm các quy trình sức khỏe, an ninh, an toàn và môi trường của Bên A. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm với Bên A về mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí (bao gồm cả phí và chi phí pháp lý) và các khiếu nại của bên thứ ba phát sinh từ sự sơ suất, vi phạm nghĩa vụ pháp lý hoặc không

tuân thủ các quy trình sức khỏe, an ninh, an toàn và môi trường của Bên A, bởi bất kỳ đại lý, nhân viên hoặc nhà cung cấp nào của Bên B ở mọi cấp độ. Những hành động đó sẽ được coi như là hành vi trực tiếp hoặc sơ suất của Bên B.

e) Other obligations and responsibilities in accordance with the terms of the Contract

Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng

ARTICLE 4: PAYMENT/ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

Party A shall make the payments within thirty (30) days upon receiving a complete and valid payment dossier from Party B as follows:

Bên A thực hiện các thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ từ Bên B như sau:

- Request for Payment/ Yêu cầu thanh toán (01 original/ bản gốc);
- Minutes of Service Completion for each monitoring session/ Biên bản Hoàn thành Dịch vụ cho mỗi đợt quan trắc (01 original/ bản gốc);
- Environmental monitoring report/ Báo cáo quan trắc môi trường (03 original/bản gốc);
- E-VAT Invoice/ Hóa đơn GTGT điện tử (01 copy/ bản sao)

Payment schedule shall be applicable to service completion for each quarter session.

ARTICLE 5: PENALTIES FOR CONTRACT BREACH AND TERMINATION/ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Penalties for breach of Contract

   Phạt vi phạm hợp đồng

   a) Failure to meet Service schedule/ Không đáp ứng tiến độ Dịch vụ:

      If Party B fails to complete the Service by the deadline specified in the Contract, Party B shall be considered in breach of Contract. In such instances, Party B is liable to pay penalties to Party A, calculated at a rate of one percent (1%) of the total Contract price (excluding VAT) for each day of delay, not exceeding ten percent (10%) of the total Contract price (excluding VAT).

      Nếu Bên B không hoàn thành Dịch vụ đúng thời hạn theo quy định Hợp đồng thì Bên B bị coi là vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp đó, Bên B có trách nhiệm nộp phạt cho Bên A với mức phạt là một phần trăm (1%) tổng giá hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) cho mỗi ngày chậm trễ, không quá mười phần trăm (10%) tổng giá hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

      In the event of late completion not attributable to Party B's fault but due to Force Majeure event, the delay period will be added to the contractual completion schedule, subject to confirmation by Party A.

Trong trường hợp chậm hoàn thành không phải do lỗi của Bên B mà do nguyên nhân bất khả kháng thì thời gian chậm hoàn thành sẽ được cộng vào tiến độ thực hiện theo hợp đồng và phải được Bên A xác nhận.

b) Compensation for Damages/ Bồi thường thiệt hại

If any incident occurs during the use of report issued as a result of Party B's Service under this Contract, resulting in any damage/ liability to Party A, Party A has the right to appoint a third-party licensed entity to conduct damage assessment and perform any necessary inspection to determine the cause (if required). If the cause is determined to be due to Party B's fault- such as document forgery or failure to meet the quality standards specified in the Contract, Party B must compensate Party A for the actual damages incurred due to this violation, including the cost of hiring the third party (if applicable). In all instances, the findings or conclusions of the competent authorities (if applicable) regarding the cause of the loss will be the highest legal basis for determining the responsibilities of the Parties.

Nếu trong quá trình sử dụng báo cáo được cấp bởi Dịch vụ Bên B cung cấp theo Hợp đồng này, xảy ra sự cố gây tổn thất/ trách nhiệm liên đới cho Bên A, Bên A có quyền chỉ định bên thứ ba được cấp phép hoạt động để tiến hành giám định thiệt hại và thực hiện các điều tra cần thiết để tìm ra nguyên nhân (nếu cần thiết). Nếu nguyên nhân được xác định do lỗi của Bên B trong việc làm giả tài liệu hoặc Dịch vụ không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng, Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh do vi phạm này bao gồm chi phí thuê bên thứ ba đó (nếu có). Trong mọi trường hợp, ý kiến hoặc kết luận của cơ quan chức năng (nếu có) về nguyên nhân tổn thất sẽ là cơ sở pháp lý cao nhất để xác định trách nhiệm của các Bên.

In the event that the above breach causes damage to any third party (if applicable), Party B shall also be responsible for compensating the third party in accordance with applicable laws and regulations. The compensation shall cover all costs, losses, and damages, including but not limited to direct, indirect, consequential, and incidental damages, as well as any legal fees, costs, and expenses incurred in relation to such claims.

Trong trường hợp vi phạm trên gây thiệt hại cho bất kỳ bên thứ ba nào (nếu có), Bên B cũng sẽ có trách nhiệm bồi thường cho bên thứ ba theo luật và quy định hiện hành. Khoản bồi thường sẽ bao gồm tất cả các chi phí, tổn thất và thiệt hại, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, hậu quả và ngẫu nhiên, cũng như bất kỳ khoản phí, chi phí và chi phí pháp lý nào phát sinh liên quan đến các khiếu nại đó.

Additionally, Party B is obligated to take all necessary steps to remedy any breach, including but not limited to the replacement of the illegitimate report with the one that meets the legal and contractual requirements or providing any other reasonable remedy to mitigate the damage caused.

Ngoài ra, Bên B có nghĩa vụ thực hiện mọi bước cần thiết để khắc phục mọi vi phạm, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thay thế báo cáo không hợp lệ bằng báo cáo khác đáp ứng các yêu cầu pháp lý và hợp đồng hoặc cung cấp bất kỳ biện pháp khắc phục hợp lý nào khác để giảm thiểu thiệt hại gây ra.

c) Failure to make payment on time/ Không thanh toán đúng hạn

If Party A fails to make payment on time, starting from the 10th day after the payment deadline, Party A shall incur a penalty of one percent (1%) of the outstanding Contract amount per week of delay. The total late payment penalty shall not exceed five percent (5%) of the total Contract amount.

Nếu Bên A không thanh toán đúng hạn, kể từ ngày thứ mười sau thời hạn thanh toán, Bên A sẽ bị phạt một phần trăm (1%) số tiền Hợp đồng còn thiếu cho mỗi tuần chậm thanh toán. Tổng số tiền phạt chậm thanh toán không vượt quá năm phần trăm (5%) tổng số tiền Hợp đồng.

2. Contract termination: Either Party reserves the right to terminate the Contract in the event that the other Party fails to properly fulfill its obligations as outlined herein.

Chấm dứt hợp đồng: Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên kia không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.

Termination of the Contract does not affect each Party's responsibility to compensate for damages or punish violations of the Contract. In case a Party violates the Contract and causes damage to the other Party, the violating Party is obligated to rectify or compensate for all relevant damages incurred (if any). However, such compensation shall exclude any indirect or consequential damages such as opportunity costs, lost business opportunities, lost revenue, lost profits or expected profits, loss of contract, loss of reputation or damage by disruption.

Việc chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường tổn hại, phạt vi phạm hợp đồng của mỗi Bên. Trong trường hợp một Bên vi phạm Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên còn lại, Bên vi phạm có nghĩa vụ khắc phục hoặc bồi thường mọi thiệt hại phát sinh liên quan (nếu có). Tuy nhiên, khoản bồi thường đó sẽ không bao gồm những thiệt hại gián tiếp hoặc do hậu quả như chi phí cơ hội, mất cơ hội kinh doanh, mất doanh thu, mất lợi nhuận hoặc lợi nhuận dự kiến, mất hợp đồng, mất danh tiếng, hoặc thiệt hại do gián đoạn.

ARTICLE 6: FORCE MAJEURE/ BẤT KHẢ KHÁNG

Except in cases of Force Majeure, neither Party is exempt from contractual obligations.

Trừ trường hợp bất khả kháng, không bên nào được miễn trừ nghĩa vụ hợp đồng.

"Force Majeure" refers to events beyond the control and without the fault or negligence of the affected Party, including but not limited to: natural disasters, fires, earthquakes, floods, strikes, disturbances, riots, insurrections, embargoes, wars, transportation failures or delays due to accidents, changes in law, state regulations, or actions by competent state agencies, or any other unforeseeable and unavoidable events despite the exercise of all necessary measures within both Parties' capabilities, impacting the execution of the Contract.

"Bất khả kháng" là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và không do lỗi hoặc sơ suất

của bên bị ảnh hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, đình công, bạo loạn, nổi dậy, cấm vận, chiến tranh, vận chuyển không thành công hoặc chậm trễ do tai nạn, thay đổi về pháp luật, quy định nhà nước hoặc hành động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ sự kiện không thể lường trước và không thể tránh khỏi khác mặc dù các bên đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết trong khả năng của mình, ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng.

If a Party is or will be prevented from performing any of its obligations under the Contract by Force Majeure, then it shall give notice to the other Party within two (2) business days from the date the event is identified. The notification must outline the consequences affecting contract performance. In such cases, the relevant contractual obligations of the affected Party may be adjusted subject to mutual agreement of both Parties.

Nếu một Bên đang hoặc sẽ bị ngăn cản thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng thì phải thông báo cho Bên kia trong vòng hai (2) ngày làm việc kể từ ngày sự kiện được xác định. Thông báo phải nêu rõ những hậu quả ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Trong những trường hợp như vậy, nghĩa vụ hợp đồng liên quan của bên bị ảnh hưởng có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận của cả hai bên.

If a Force Majeure event lasts more than thirty (30) days, either Party has the right to terminate the Contract without compensation.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn ba mươi (30) ngày, một trong hai Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường.

ARTICLE 7: OTHERS/ ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- This Contract shall be governed by and construed in accordance with Vietnam Laws. For the avoidance of doubt, any reference to “law”, "applicable laws" or “state regulations” in the Contract shall be understood as referring to the Vietnam Laws.

  Thỏa thuận này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam. Để tránh hiểu nhầm, mọi tham chiếu đến “luật”, “luật pháp hiện hành” hoặc “quy định nhà nước” trong Hợp đồng sẽ được hiểu là đề cập đến Pháp luật Việt Nam.

- Any communication, exchange of information and documentation and Contract between both Parties shall be considered as their private property and shall be confidential. Any disclosure by a Party must be consented to in advance by the other Party.

  Tất cả trao đổi, thông tin, tài liệu, văn bản và thỏa thuận giữa hai bên sẽ được coi là tài sản riêng của các bên và sẽ được các bên lưu giữ một cách cẩn mật và mỗi bên chỉ được tiết lộ ra ngoài khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

- Both Parties commit to strictly implement the terms signed in the Contract. Neither Party is allowed to unilaterally amend the terms of the Contract. All amendments and supplements must be mutually agreed and signed by both Parties, and such amendments or supplements shall form an integral part of this Contract.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký trong Hợp đồng, không Bên nào được đơn phương sửa đổi các điều khoản trong Hợp đồng, mọi sửa đổi và bổ sung phải được hai Bên đồng ý, thống nhất ký và đó được coi như là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Any disputes arising between both Parties shall be resolved through negotiation in a spirit of cooperation and mutual benefit, without causing harm to either Party. If both Parties are unable to resolve the dispute through negotiation, the matter shall be referred to the People's Court of Ha Noi City for resolution in accordance with Vietnam Laws. The costs associated with the dispute resolution shall be borne by the losing Party.

  Mọi phát sinh tranh chấp giữa hai bên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và đàm phán trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi, không làm tổn hại lẫn nhau. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật, án phí do bên thua kiện chịu.

- This Contract is made into two (2) sets of bilingual copies in English and Vietnamese of the same validity, each Party keeps one (1) set. If there is any difference or inconsistency between English and Vietnamese, the English language shall prevail.

  Hợp đồng này được lập thành hai (2) bản song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một (1) bản. Nếu có bất kỳ sự khác biệt hoặc mâu thuẫn nào giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

- The Contract shall come into effect upon signing and shall remain in force until both Parties have fulfilled their obligations as stated herein.

  Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ có hiệu lực cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình như được nêu trong Hợp đồng này.

REPRESENTATIVE OF PARTY A	REPRESENTATIVE OF PARTY B
ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
LIM JUN SIK	**xxxxx**
General Director	**xxxxxx**
Tổng Giám đốc	**xxxxx**

ANNEX 01: SCOPE OF SERVICE

PHỤ LỤC 01- PHẠM VI DỊCH VỤ

No/ Số	Parameters/ Chỉ tiêu	Quantity per each monitoring session/ Số lượng phép đo cho 1 lần quan trắc	Frequency/ Tần suất (per quarter/ theo quý)	Unit price/ Đơn giá (VND)	Total price/ Thành tiền (VND)
1	To be updated	To be updated	To be updated	To be updated	To be updated
…	…	…	…	…	…
Total Contract Value (VAT excluded)/ Tổng Giá trị Hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)					
VAT/ Thuế GTGT (x%)					
Total Contract Value (VAT included)/ Tổng Giá trị Hợp đồng (bao gồm thuế GTGT)					